

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 10/06/2020**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	19000047	Kỳ Chí	An	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
2	19000094	Nguyễn Ngọc Hoàng	An	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
3	19000356	Nguyễn Thế	An	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
4	19000095	Nguyễn Ngọc Hoàng	Ấn	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
5	19005149	Hoàng Quốc	Anh	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
6	19000553	Nguyễn Hà Nguyên	Anh	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
7	19000108	Hồng Thiên	Bảo	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
8	19000608	Nguyễn Quốc	Bảo	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
9	19000280	Phạm Ngọc Thiên	Bảo	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
10	19000515	Lâm Thanh	Bình	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
11	19000915	Đặng Lương Tuấn	Cường	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
12	19000131	San Quốc	Cường	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
13	19000248	Phạm Thành	Đạt	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
14	19000407	Nguyễn Mạnh	Dũng	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
15	19000700	Trần Khâm	Hải	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
16	19001417	Nguyễn Minh	Hiếu	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
17	19001516	Trần Nguyễn Trọng	Hiếu	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
18	19000335	Tạ Huy	Hoàng	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
19	19000135	Lương Sỹ	Hùng	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
20	19000372	Châu Cư	Huy	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
21	19000739	Nguyễn Gia	Huy	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
22	19000797	Nguyễn Mạch Đình	Huy	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
23	19000206	Nguyễn Thế	Khải	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
24	19000492	Dương Vĩnh	Khang	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
25	19000734	Huỳnh Trần	Khang	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
26	19000426	Mai Trần Gia	Khang	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
27	19000893	Lê Anh	Khoa	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
28	19000504	Trịnh Tấn	Lộc	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
29	19000690	Ngô Thành	Luận	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
30	19000840	Phan Duy	Mạnh	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
31	19000399	Bùi Nguyễn Hoàng	Minh	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
32	19005214	Hoàng Văn	Minh	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
33	19000266	Lê Hiếu	Nghĩa	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
34	19000513	Phan Thành	Nguyên	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
35	19000809	Nhâm Bảo Hiếu	Nhân	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
36	19000588	Đặng Cẩm	Phát	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
37	19000436	Nguyễn Huy	Phát	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
38	19000128	Nguyễn Huỳnh	Phát	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
39	19000386	Nguyễn Hoàng	Phúc	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
40	19000951	Nguyễn Trần Thiên	Phúc	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
41	19000088	Lê Hoàng	Phước	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
42	19000416	Huỳnh Minh	Quân	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
43	19000414	Nguyễn Tấn	Sang	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
44	19000476	Phan Quang	Thắng	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
45	19000424	Đoàn Nhã	Trân	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
46	19005386	Lê Thùy	Trang	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
47	19001849	Hoàng Quốc	Trị	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
48	19000066	Nguyễn Thanh	Trung	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
49	19000053	Trương Thị Hải	Yến	19T4-LTM1	5,904,000	140,000	6,044,000	
				49				